

Bản án số: 219/2020/DS-PT

Ngày: 07/7/2020

V/v tranh chấp: “Thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật”

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Với tHnh phần Hội đồng xét xử PH thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**.

Các thẩm phán: Ông **H Hiếu**.

Bà **Trần Thị Thu Hằng**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử PH thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật”. Do bản án dân sự số 147/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử PH thẩm số: 193/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hứa Thị Thanh H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 273/14 Nguyễn Văn Đ, phường 11, quận B, tHnh phố H

Đại diện theo ủy quyền: Lâm Ngọc L, sinh năm 1952(có mặt).

Địa chỉ: 273/14 Nguyễn Văn Đ, phường 11, quận B, tHnh phố H

. Văn bản ủy quyền số 28, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Phòng công chứng số 06.

Bị đơn: Hứa Thị Thanh T, sinh năm 1961(có mặt).

Địa chỉ: Số 900 ấp T, xã V, huyện G, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q:

1. Hứa Thị Bạch T2, sinh năm 1954(có mặt).

Địa chỉ: Số 900 ấp T, xã V, huyện G, tỉnh T.

2. Võ Văn T3, sinh năm 1970(có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, T.

3. Lý Thanh C, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường X, thị xã G, tỉnh T

4. Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1982(xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường X, thị xã G, tỉnh T

5. Lâm Thị Ngọc S, sinh năm 1976(xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 85 Thủ Khoa Huân, khu phố 4, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

6. Phạm Duy Tâm, sinh năm 1967(xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

7. Nguyễn T2 Hồng, sinh năm 1980(xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 40 Đại Đội Công Binh, Khu phố X, phường Y, thị xã G, tỉnh T.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn TH, sinh năm 1920 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2.Đỗ Văn T3, sinh năm 1958(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

3. Trương Văn H, sinh năm 1954(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

4.Lê Quí Đôn, sinh năm 1960(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

5. Nguyễn Văn PH, sinh năm 1955(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

6. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1957(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

7. Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Hứa Thị Thanh H và Bị đơn Hứa Thị Thanh T.

NHẬN THẤY:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Hứa Thị Thanh H và đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Ngọc L trình bày:

Ông Hứa Thoại D chết ngày 21 tháng 7 năm 2005 và bà Đỗ Thị C chết ngày 03 tháng 10 năm 2010. Ông D và bà C có 04 người con gồm:

1. Hứa Thoại Q.
2. Hứa Thị Bạch T2.
3. Hứa Thị Thanh H.
4. Hứa Thị Thanh T.

Ông Q chết năm 1974. Ông Q không có vợ, không có con. Ông không thừa nhận anh T3 là con ông Q. Ông thừa nhận ông chính là người trực tiếp ghi D sách con cháu ông D, bà C để giao cho thầy cúng tụng lúc bà C chết và trong đó có ghi tên anh T3 là do bà T yêu cầu. Còn việc anh T3 để tang cho bà C cũng là do bà T sắp xếp, gia đình không ý kiến gì lúc đó. Ông D chết anh T3 không để tang và trong di chúc bà C nếu xác định anh T3 là cháu nội thì bà đã cho anh T3 tài sản chứ không cho 03 người con.

Ông thừa nhận anh T3 có về sống chung với ông D, bà C và anh T3 gọi ông D là ông nội, bà C là bà nội.

Ngoài ra ông D và bà C không còn người con nào khác. Cha mẹ ông D, bà C chết trước ông bà nay mấy chục năm.

- Di sản của ông D và bà C chết để lại gồm:

1. NH diện tích 63.50 m². Cấu trúc: NH kiên cố. Quyền sở hữu NH số 002-23 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 30 tháng 11 năm 2005 cho ông D, bà C đứng tên. NH thuộc thửa đất 235.

2. Quyền sử dụng đất số H000713-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà C và ông D đứng tên. Diện tích 173.56 m², thửa 235.

3. Hồ nước đã xuống cấp.

NH và đất tại số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, Tiền Giang. Hiện nay do anh C, chị L quản lý, sử dụng.

Ngày 26 tháng 4 năm 2006, bà C di chúc để lại di sản: 50% khối tài sản của bà nằm trong khối tài sản chung của bà với ông D là NH đất thửa 235 chia như

sau:

Bà T2 được chia 20 m² đất vị trí giáp đất bà Xuân;
Bà H được chia 24 m² đất giáp với đất bà T2;
Bà T được chia 42.78 m² đất giáp với đất bà Quyển.

Nay tại phiên tòa yêu cầu:

+ Chia thừa kế theo di chúc phần di sản mà bà C đã di chúc để lại cho 03 người gồm bà T, bà T2, bà H.

+ Chia theo pháp luật phân di sản của ông D nêu trên cho 03 người gồm bà T, bà H, bà T2.

+ Theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì bà Quyển chết di chúc chia cho bà C và bà T phần đất diện tích 98.1 m², thực tế là 91.1 m² tại số 37 Lý Tự Trọng, phường 1, thị xã Gò Công. Bà C hưởng ½ là 44.55 m² thực tế là 45.55 m², phần của bà C chia theo pháp luật chia làm 03 phần cho bà H, bà T2, bà T.

Yêu cầu được hưởng bằng hiện vật theo như kết quả vị trí đo đạc và tính chênh lệch nếu có. Chỉ yêu cầu chia quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia tài sản trên đất.

+ Về chi phí chăm sóc, ma chay, xây mộ cho bà C đồng ý chia 03, bà T, bà H, Bà T2 mỗi người chịu 01 phần theo đúng quy định. Do trước đây đồng ý hoàn trả lại cho bà T số tiền 75.000.000 đồng nhưng nay đề nghị Tòa án xem xét lại và chỉ chấp nhận những chứng từ hợp lệ là các khoản bà T chi có hóa đơn với số tiền 118.026.425 đồng và 47.906.000 đồng không có hóa đơn nhưng hợp lý cụ thể: Tiền tá giấy 600.000 đồng, vải tẩm liệm bà C 200.000 đồng, tiền chợ đám tang bà C 14.200.000 đồng, tiền thuê thầy cúng 11.900.000 đồng, công thợ xây mộ bà C là 1.670.000 đồng, tiền xe chở bà C cấp cứu từ nh đến Bệnh viện Tiền Giang là 950.000 đồng, tiền mua nước yến vô nước biển cho bà C 2.550.000 đồng, tiền xe chở bà C từ THnh phố về nh 2.700.000 đồng, người phụ nuôi bà C 13.000.000 đồng, tiền viện phí Bệnh viện Gò Công Tây 256.000 đồng, tiền thuê bình oxy cho bà C thở 250.000 đồng.

** Bị đơn bà Hứa Thị Thanh T trình bày:*

Bà thông nhất số di sản nêu trên của bà C và ông D chết để lại theo như ông L trình bày. Bà đồng ý chia di sản của bà C là chia theo di chúc còn di sản của ông D và bà C không có di chúc thì phải chia làm 04 gồm bà, anh T3, bà T2, bà H vì anh T3 là con ông Q với bà Hoa. Chia làm 04 phần theo như kết quả đo đạc trước đây. Không yêu cầu chia tài sản nh, hồ nước trên đất và tiền thuê nh anh C, chị L cho người khác thuê.

Với các lý do:

Chính ông L đã thừa nhận là ông là người viết D sách con cháu bà Quyển để thầy cúng tụng chứ không phải do bà sắp xếp buộc ông L làm.

Anh T3 trước đây được ông D đặt tên là Hứa Nhật T3 nhưng vì anh Q chết trẻ nên không làm khai sinh cho anh T3 được;

Chính ông L thừa nhận tại phiên tòa PH thậm chí là vì chia thừa kế nên không nhận anh T3 là cháu nội ông D.

Anh T3 có đội tang bà C lúc chết với tư cách là cháu nội bà còn khi ông D chết anh T3 bận học về trễ nên đội tang bằng vải garo (*Do thiếu vải tang và vì tâm linh nên không được phép mua thêm*). Bà khẳng định anh T3 là con ông Q.

Về chi phí chăm sóc nuôi bệnh và ma chay xây mồ cho bà C: Yêu cầu chia 04 như trước đây với số tiền 236.900.000 đồng.

Về tiền cho thuê mặt bằng mà anh C, chị L quản lý thì bà sẽ thỏa thuận sau, không tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q bà Hứa Thị Bạch T2 là trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày và yêu cầu nêu trên của ông L. Di sản bà C có di chúc thì chia theo di chúc. Di sản của bà C với ông D không có di chúc thì chia theo pháp luật và chia cho 03 người con gồm bà, bà T, bà H. Không chấp nhận chia cho anh T3 vì anh T3 không phải con ông Q, không phải cháu nội ông D và bà C. Tại phiên tòa bà thừa nhận anh T3 có về sống chung với ông D, bà C, anh T3 gọi ông D bằng ông nội, gọi bà C bằng bà nội và gọi chị em bà là cô, không ai phản đối; khi chị Hoa mẹ anh T3 sinh anh T3 thì ông D có gọi ông Q về để rầy vì ông Q có Q hệ để chị Hoa sinh con là anh T3.

Yêu cầu nhận bằng hiện vật theo như kết quả đo đạc, tính chênh lệch và không yêu cầu chia di sản là nh, hồ nước trên đất.

Về chi phí ma chay, nằm viện của và C: Thống nhất chia 03 như ông L trình bày và không đồng ý hoàn cho bà T 75.000.000 đồng như trước đây mà đồng ý hoàn theo đúng pháp luật trên cơ sở chứng từ hợp L với số tiền như ông L trình bày.

Anh Võ Văn T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q trình bày:

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà T nêu trên. Xin hưởng 01 phần theo pháp luật di sản của ông D, bà C chết để lại.

Anh Lý Thanh C, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Lâm Thị Ngọc S, chị Nguyễn T2 Hồng, anh Phạm Duy Tâm là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q trình bày:

Không ý kiến gì và Tòa án giải quyết như thế nào thì sẽ chấp hành đúng như vậy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang căn cứ các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 650, 652, 653, 657, 658, , 663, 667, 674, 675, 676, 677, 683, 684, 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị Quyết 326 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí L phí Tòa án.

Xử:

1. Xác định di sản thừa kế của bà Đỗ Thị C và ông Hứa Thọại D chết để lại gồm:

1.1. Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 173.7 m². Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Đông giáp đất của bà Hứa Thị Thanh T số đo 6.58 m, 4.04 m, 5.42 m, 4.11 m;

+ Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 3.26 m, 3.54 m, 4.75 m, 3.6 m;

+ Nam giáp đất Phan Thị Thanh Xuân số đo 15.95 m;

+ Bắc giáp đường Lý Tự Trọng có số đo 5.3 m.

1.2. Di sản thừa kế của bà Đỗ Thị C là Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Qua đo đạc thực tế diện tích là 45.55 m²; trên đất có căn nhà diện tích 45.55 m². Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Đông giáp đất của bà Hứa Thanh Giàu số đo 22.71 m;

+ Tây giáp thửa 235 số đo 6.58 m, 4.04 m, 5.42 m, 4.11 m;

+ Nam giáp đất Phan Thị Thanh Xuân số đo 4.69 m;

- + Bắc giáp đường Lý Tự Trọng có số đo 4.18 m.
- NH số 37 Lý Tự Trọng không còn giá trị sử dụng.
- NH số 37 A Lý Tự Trọng: NH chính cấu trúc cột bê tông, vách tường, mái ngói âm dương, nền gạch tàu, không trần, không khu phụ. Diện tích 34 m². Tỷ L còn lại 40%. Giá 31.0250.000 đồng.
- NH phụ cấu trúc cột gạch, tường gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần không khu phụ. Diện tích 20.3 m². Tỷ L còn lại 40%. Giá 18.523.000 đồng.
- NH vệ sinh cấu trúc tường gạch xây, nền gạch bông, mái tole. Diện tích 3.05 m². Tỷ L còn lại 80%. Giá 1.051.640 đồng.
- Hồ chứa nước cấu trúc bê tông cốt thép, khối lượng 5.89 m³. Tỷ L còn lại là 30%. Giá 2.406.000 đồng.

2. *Xác định Hng thừa kế thứ nhất của ông Hứa Thoại D và bà Đỗ Thị C gồm có:*

Hứa Thoại Q.

Hứa Thị Bạch T2.

Hứa Thị Thanh H.

Hứa Thị Thanh T.

3. *Xác định anh Võ Văn T3 là thừa kế thế vị của ông Hứa Thoại Q.*

4. *Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị Thanh H:*

- Bà Hứa Thị Thanh H được chia phần đất ở đô thị diện tích 57 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 5.42 m;
- + Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 4.75 m;
- + Nam giáp phần đất diện tích 53 m² có số đo 13.6 m;
- + Bắc giáp phần đất diện tích 33 m² có số đo 10.51 m.

Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24

tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

Bà Hứa Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 0.12 m² đất ở đô thị cho bà Hứa Thị Thanh H số tiền 1.344.000 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hứa Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Hứa Thị Bạch T2 được chia phần đất ở đô thị diện tích 53.0 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 4.11 m;
- + Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 3.6 m;
- + Nam giáp đất Phan Thị Thanh Xuân số đo 15.95 m;
- + Bắc giáp đất diện tích 57 m² có số đo 13.6 m.

Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

Bà Hứa Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 0.12 m² đất ở đô thị cho bà Hứa Thị Bạch T2 số tiền 1.344.000 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hứa Thị Bạch T2 có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Anh Võ Văn T3 được chia phần đất ở đô thị diện tích 33.0 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 4.04 m;
- + Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 3.54 m;
- + Nam giáp phần đất diện tích 33 m² số đo 8.2 m;
- + Bắc giáp đường Lý Tự Trọng số đo 5.3 m.

Quyền sử dụng đất thừa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Quyền sử dụng đất thừa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

Bà Hứa Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 0.12 m² đất ở đô thị cho anh Võ Văn T3 số tiền 1.344.000 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Võ Văn T3 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bà Hứa Thị Thanh T được chia phần đất ở đô thị diện tích 76.25 m² vị trí tứ cận:

Phần 1: Diện tích 30.7 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 6.58 m;
- + Tây giáp đường lý Tự Trọng số đo 3.26 m;
- + Namgiáp đất đất diện tích 33 m² số đo 8.2 m;
- + Bắc giáp đường Lý Tự Trọng số đo: 5.3 m.

Quyền sử dụng đất thừa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp

ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Phần 2: Diện tích 45.55 m². Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

5. Bà Hứa Thị Thanh H có nghĩa vụ hoàn trả:

Cho bà Hứa Thị Thanh T số tiền chi phí chăm sóc, ma chay của bà Đỗ Thị C cho bà Hứa Thị Thanh T là 41.483.106 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm T3 mươi ba nghìn một trăm lẻ sáu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hứa Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Thanh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Bà Hứa Thị Bạch T2 có nghĩa vụ hoàn trả:

Cho bà Hứa Thị Thanh T số tiền chi phí chăm sóc, ma chay của bà Đỗ Thị C cho bà Hứa Thị Thanh T là 41.483.106 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm T3 mươi ba nghìn một trăm lẻ sáu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hứa Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Bạch T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Anh Võ Văn T3 có nghĩa vụ hoàn trả:

Cho bà Hứa Thị Thanh T số tiền chi phí chăm sóc, ma chay của bà Đỗ Thị C cho bà Hứa Thị Thanh T là 41.483.106 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm T3 mươi ba nghìn một trăm lẻ sáu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hứa Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng anh Võ Văn T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Anh Lý Thanh C, chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Phạm Duy Tâm, chị Lâm Thị Ngọc S, chị Nguyễn T2 Hồng cùng có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất

nêu trên cho bà Hứa Thị Thanh H, Hứa Thị Bạch T2, Hứa Thị Thanh T, anh Võ Văn T3 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/10/2019, nguyên đơn Hứa Thị Thanh H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu: Không đồng ý xác định ông Võ Văn T3 là con đẻ ông Hứa Thoại Q và chia kỷ phần thừa kế của ông T3 cho 03 người con của ông Hứa Q Thoại và Đỗ Thị C.

Ngày 07/10/2019, bị đơn Hứa Thị Thanh T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu: Buộc bà H, bà T2 và ông T3 mỗi người hoàn trả chi phí chăm sóc, ma chay của bà C, mỗi người là 59.000.000 đồng (Tòa sơ thẩm chỉ chấp nhận có 41.483.106 đồng).

Tại phiên tòa PH thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về kháng cáo của nguyên đơn và thỏa thuận được với nhau về kháng cáo của bị đơn. Các đương sự cùng thống nhất chi phí ma chay và chi phí khám chữa bệnh của cụ C do bà Hứa Thị Thanh T bỏ ra với số tiền 236.000.000đồng được chia đều cho các đồng thừa kế để hoàn trả lại cho bà T. Nguyên đơn cho rằng số tiền 236.000.000đồng chi phí mặc dù bà T không cung cấp được chứng từ hợp L nhưng do tình cảm gia đình thì bà H và bà T2 cùng chấp nhận với số tiền 236.000.000đồng, anh T3 cũng thống nhất với số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn còn trong thời hạn luật định nên được xem xét. Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng, qua lời trình bày của các đương sự và lời khai của những người làm chứng thì có cơ sở xác định anh Võ Văn T3 là con của ông Hứa Thoại Q (đã chết), nên kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở. Xét kháng cáo của bị đơn đối với số tiền 236.000.000đồng, các đương sự là đồng thừa kế đều công nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Qua nghiên cứu T3 bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định Q hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật” là có căn cứ .

- Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q trong vụ án gồm: Lý Thanh C;Nguyễn Thị Trúc L;Lâm Thị Ngọc S;Phạm Duy Tâm vàNguyễn T2 Hồng cùng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo qui định tại Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung: Cụ Hứa Thoại D (chết ngày 21 tháng 7 năm 2005) và cụ Đỗ Thị C (chết ngày 03 tháng 10 năm 2010) là vợ chồng. Cụ D và cụ C có 04 người con gồm: Hứa Thoại Q (chết năm 1974), Hứa Thị Bạch T2, Hứa Thị Thanh H (nguyên đơn) và Hứa Thị Thanh T (Bị đơn). Cụ D chết không để lại di chúc. Cụ C chết có để lại di chúc.

Di sản thừa kế của bà Đỗ Thị C và ông Hứa Thoại D chết để lại gồm:

[2.1.] Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 173.7 m². Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2.2.] Di sản thừa kế của bà Đỗ Thị C là Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Qua đo đạc thực tế diện tích là 45.55 m²; trên đất có căn nH diện tích 45.55 m². Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- NH số 37 A Lý Tự Trọng: NH chính cấu trúc cột bê tông, vách tường, mái ngói âm dương, nền gạch tàu, không trần, không khu phụ. Diện tích 34 m². Tỷ L còn lại 40%. Giá 31.0250.000 đồng.

- NH phụ cấu trúc cột gạch, tường gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần không khu phụ. Diện tích 20.3 m². Tỷ L còn lại 40%. Giá 18.523.000 đồng.

- NH vệ sinh cấu trúc tường gạch xây, nền gạch bông, mái tole. Diện tích 3.05 m². Tỷ L còn lại 80%. Giá 1.051.640 đồng.

- Hồ chứa nước cấu trúc bê tông cốt thép, khối lượng 5.89 m³. Tỷ L còn lại là 30%. Giá 2.406.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn Hứa Thị Thanh H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp PH thẩm không công nhận anh Võ Văn T3 là con ông Hứa Thoại Q, kỉ

phần thừa kế của anh Tòa được hưởng theo bản sản sơ thẩm được chia đều cho các đồng thừa kế còn lại là Hứa Thị Thanh H, Hứa Thị Thanh T và Hứa Thị Bạch T2; Bị đơn Hứa Thị Thanh T kháng cáo yêu cầu xác định phần chi phí ma chay và khám chữa bệnh cụ C do chị bỏ ra với số tiền 236.000.000đồng, mỗi người được hưởng thừa kế gồm Hứa Thị Thanh H, Hứa Thị Bạch T2 và Võ Văn T3 phải hoàn trả cho bà T số tiền 59.000.000đồng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng, Các đương sự cùng trình bày thống nhất, Cụ Hứa Thoại D và cụ Đỗ Thị C là vợ chồng có các con chung gồm: Hứa Thoại Q, Hứa Thị Bạch T2, Hứa Thị Thanh H và Hứa Thị Thanh T. Ông Hứa Thoại Q chết năm 1974, Bà H, bà T2 cho rằng ông Q không có vợ con. Bà T cho rằng anh Võ Văn T3 là con của ông Hứa Thoại Q và bà Võ Thị Hoa. Xét nội dung bản án sơ thẩm xác định anh Võ Văn T3 là thừa kế thế vị của ông Hứa Thoại Q là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật. Mặc dù, tòa án sơ thẩm và tòa án cấp PH thẩm đã nhiều lần thực hiện việc yêu cầu các đương sự cung cấp mẫu AND để tiến hành trưng cầu giám định đối với anh Võ Văn T3, nhưng chỉ còn một người duy nhất là ông Hứa Thoại Vân (em ruột ông Hứa Thoại Q) nhưng ông Vân từ chối cung cấp mẫu để giám định, cho nên không thực hiện được việc trưng cầu giám định AND đối với anh T3. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ thì có cơ sở để xác định anh Võ Văn T3 là con của ông Hứa Thoại Q dựa vào các căn cứ như sau: các đương sự đều thừa nhận anh T3 được bà Hoa sinh ra tại nh ông Hứa Thoại D trong thời gian bà Hoa ở tại đây, anh T3 có thời gian trên mười năm sinh sống để đi học ở tại nh ông D cho đến khi trưởng thành. Trong sinh hoạt hàng ngày anh T3 đều gọi Cụ D, cụ C là ông bà nội và các bà H, T, T2 là cô. Khi anh T3 đến tuổi đi nghĩa vụ quân sự thì tại phiếu đăng ký nghĩa vụ quân sự (bút lục 124,125) anh T3 khai tên cha là Hứa Thoại Q và mẹ là Võ Thị Hoa, phiếu đăng ký này được Chủ tịch UBND xã và chỉ huy trưởng quân sự ký tên đóng dấu. Tại đơn xin xác nhận của bà T (bút lục 17,18) có xác nhận của ông Mai Công Lý, Võ Văn Giác, Trần Phong C và Nguyễn Thanh Tùng có xác nhận anh Võ Văn Toàn là cháu của ông Hứa Thoại D và anh T3 là con của ông Hứa Thoại Q. Tại các biên bản lấy lời khai do tòa án sơ thẩm thực hiện (bút lục số 109 đến 115) thì ông Nguyễn Văn T3, Lâm Hồng Châu, bà Nguyễn Thị Hai, ông Trần Phong C (bà con cô cậu với ông Hứa Thoại D), ông Trương Thoại Linh, bà Nguyễn Thị Kim H1 (học trò của ông Hứa Thoại D) và ông Nguyễn Văn TH (bạn bè của ông D) cùng xác nhận anh Võ Văn T3 là cháu của ông Hứa Thoại D, là con của ông Hứa Thoại Q và bà Võ Thị Hoa. Tại bản ảnh đám tang của cụ Võ Thị C thì anh Võ Văn T3 là người mặc trang phục đám tang (mặc đồ tang, đeo bích cân) bùng bát nhang trong lúc di Q đối với bà C, vấn đề này phù hợp với phong tục

tập quán tại địa phương, chỉ con cháu trong gia đình mới thực hiện nghi lễ đám tang như trong bản ảnh ghi lại, phù hợp với lời làm chứng của những người cao tuổi ở địa phương. Đặc biệt là phù hợp với thừa nhận của bà T và bà T2 tại phiên tòa sơ thẩm. Cho nên, có đủ cơ sở để kết luận anh Võ Văn T3 là người hưởng thừa kế thế vị theo qui định của pháp luật. Xét kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Hứa Thị Thanh T cho rằng bà T xuất ra chi phí 236.000.000đồng để chữa bệnh và ma chay cho cụ C. Tại phiên tòa PH thẩm, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất số tiền này và chia đều cho mỗi người hưởng thừa kế phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn T3 tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên được ghi nhận và sửa bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ hoàn trả của những người hưởng kế phần thừa kế, cụ thể mỗi người phải hoàn trả cho bà T số tiền 59.000.000đồng .

[5] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa PH thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]Về án phí: Bà T không phải chịu án phí dân sự PH thẩm. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba (nghĩa vụ hoàn trả số tiền 59.000.000đồng cho bà T) và phải chịu án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo qui định tại điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội. Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, PH thẩm, bà T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do bà H và bà T2 là người cao tuổi.

[7]Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo , kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo và kháng nghị .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 650, 652, 653, 657, 658, 663, 667, 674, 675, 676, 677, 683, 684, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Hứa Thị Thanh H; chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hứa Thị Thanh T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 147/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công , tỉnh Tiền Giang.

2. *Xác định di sản thừa kế của bà Đỗ Thị C và ông Hứa Thoại D chết để lại gồm:*

2.1. Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 173,7 m². Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Đông giáp đất của bà Hứa Thị Thanh T số đo 6.58 m, 4.04 m, 5.42 m, 4.11 m;

+ Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 3.26 m, 3.54 m, 4.75 m, 3.6 m;

+ Nam giáp đất Phan Thị Thanh Xuân số đo 15.95 m;

+ Bắc giáp đường Lý Tự Trọng có số đo 5.3 m.

2.2. Di sản thừa kế của bà Đỗ Thị C là Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Qua đo đạc thực tế diện tích là 45.55 m²; trên đất có căn nh diện tích 45.55 m². Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Đông giáp đất của bà Hứa Thanh Giàu số đo 22.71 m;

+ Tây giáp thửa 235 số đo 6.58 m, 4.04 m, 5.42 m, 4.11 m;

+ Nam giáp đất Phan Thị Thanh Xuân số đo 4.69 m;

+ Bắc giáp đường Lý Tự Trọng có số đo 4.18 m.

- NH số 37 Lý Tự Trọng không còn giá trị sử dụng.

- NH số 37 A Lý Tự Trọng: NH chính cấu trúc cột bê tông, vách tường, mái ngói âm dương, nền gạch tàu, không trần, không khu phụ. Diện tích 34 m². Tỷ L còn lại 40%. Giá 31.0250.000 đồng.

- NH phụ cấu trúc cột gạch, tường gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần không khu phụ. Diện tích 20.3 m². Tỷ L còn lại 40%. Giá 18.523.000 đồng.

- NH vệ sinh cấu trúc tường gạch xây, nền gạch bông, mái tole. Diện tích 3.05 m². Tỷ L còn lại 80%. Giá 1.051.640 đồng.

- Hồ chứa nước cấu trúc bê tông cốt thép, khối lượng 5.89 m³. Tỷ L còn lại là 30%. Giá 2.406.000 đồng.

3. Xác định Hng thừa kế thứ nhất của ông Hứa Thoại D và bà Đỗ Thị C gồm có:

Hứa Thoại Q.

Hứa Thị Bạch T2.

Hứa Thị Thanh H.

Hứa Thị Thu T.

4. Xác định anh Võ Văn T3 là thừa kế thế vị của ông Hứa Thoại Q.

5. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị Thanh H:

5.1. Bà Hứa Thị Thanh H được chia phần đất ở đô thị diện tích 57 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 5,42 m;
- + Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 4,75 m;
- + Nam giáp phần đất diện tích 53 m² có số đo 13,6 m;
- + Bắc giáp phần đất diện tích 33 m² có số đo 10,51 m.

Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

Bà Hứa Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 0.12 m² đất ở đô thị cho bà Hứa Thị Thanh H số tiền 1.344.000 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hứa Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Bà Hứa Thị Bạch T2 được chia phần đất ở đô thị diện tích 53.0 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 4.11 m;
- + Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 3.6 m;
- + Nam giáp đất Phan Thị Thanh Xuân số đo 15.95 m;
- + Bắc giáp đất diện tích 57 m² có số đo 13.6 m.

Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

Bà Hứa Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 0.12 m² đất ở đô thị cho bà Hứa Thị Bạch T2 số tiền 1.344.000 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hứa Thị Bạch T2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.3. Anh Võ Văn T3 được chia phần đất ở đô thị diện tích 33.0 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 4.04 m;
- + Tây giáp đường Lý Tự Trọng số đo 3.54 m;

- + Nam giáp phần đất diện tích 33 m² số đo 8.2 m;
- + Bắc giáp đường Lý Tự Trọng số đo 5.3 m.

Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

Bà Hứa Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 0.12 m² đất ở đô thị cho anh Võ Văn T3 số tiền 1.344.000 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Võ Văn T3 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, Hng tháng bà Hứa Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.4. Bà Hứa Thị Thanh T được chia phần đất ở đô thị diện tích 76.25 m² vị trí tứ cận:

Phần 1: Diện tích 30.7 m² vị trí tứ cận:

- + Đông giáp đất Hứa Thị Thanh T số đo 6.58 m;
- + Tây giáp đường lý Tự Trọng số đo 3.26 m;
- + Nam giáp đất diện tích 33 m² số đo 8.2 m;
- + Bắc giáp đường Lý Tự Trọng số đo: 5.3 m.

Quyền sử dụng đất thửa 235, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00713V-P1 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005 cho bà Đỗ Thị C đứng tên. Địa chỉ: Số 37 A Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Phần 2: Diện tích 45.55 m². Quyền sử dụng đất thửa 163, tờ bản đồ số 7 mà bà Đỗ Thị C và bà Hứa Thị Thanh T được chia theo Bản án dân sự PH thẩm số 122/2010/DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 37 Lý Tự Trọng, khu phố 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

6. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa PH thẩm:

6.1. Bà Hứa Thị Thanh H có nghĩa vụ hoàn trả: Cho bà Hứa Thị Thanh T số tiền chi phí chăm sóc, ma chay của bà Đỗ Thị C số tiền là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

6.2 Bà Hứa Thị Bạch T2 có nghĩa vụ hoàn trả: Cho bà Hứa Thị Thanh T số tiền chi phí chăm sóc, ma chay của bà Đỗ Thị C số tiền là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

6.3. Anh Võ Văn T3 có nghĩa vụ hoàn trả: Cho bà Hứa Thị Thanh T số tiền chi phí chăm sóc, ma chay của bà Đỗ Thị C số tiền là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

6.4. Kể từ ngày bà Hứa Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên. Nếu bà H, Bà T2 và anh T3 chậm thi Hành thì Hng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Anh Lý Thanh C, chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Phạm Duy Tâm, chị Lâm Thị Ngọc S, chị Nguyễn T2 Hồng cùng có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Hứa Thị Thanh H, Hứa Thị Bạch T2, Hứa Thị Thanh T, anh Võ Văn T3 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

8. Về án phí:

+ Hoàn tạm ứng án phí cho bà Hứa Thị Thanh H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tại biên lai số 0031344 ngày 09 tháng 10 năm 2013; số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 41177 ngày 06 tháng 6 năm 2016 và 300.000đồng theo biên lai thu số 43408 ngày 01/10/2019. Tất cả các biên lai đều của Chi cục thi Hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

+ Hoàn tạm ứng án phí cho bà Hứa Thị Bạch T2 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tại biên lai số 42650 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi Hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Võ Văn T3 chịu $(370.944.000\text{đồng} - 59.000.000\text{đồng}) \times 5\% = 15.597.200$ đồng án phí chia tài sản và $(59.000.000\text{đồng} \times 5\%) = 2.950.000\text{đồng}$ (án phí dân sự về nghĩa vụ trả tiền cho bà Hứa Thị Thanh T. Tổng cộng là 18.547.200đồng được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn

đồng) mà anh Võ Văn T3 đã tạm ứng tại biên lai số 0031751 ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Chi cục thi Hình án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy anh Võ Văn T3 còn phải nộp tiếp số tiền 16.047.200 đồng.

+ Bà Hứa Thị Thanh T chịu **37.502.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 3.985.000 đồng do bà T nộp tại biên lai số 0031495 ngày 02 tháng 12 năm 2013 và số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 43411 ngày 08/10/2019 của Chi cục thi Hình án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy bà Hứa Thị Thanh T phải nộp tiếp số tiền **33.217.000 đồng**.

10. Về chi phí tố tụng:

Bà Hứa Thị Thanh H chịu là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) chi phí thẩm định giá và trừ vào tạm ứng. Như vậy bà Hứa Thị Thanh H đã nộp đủ.

Bản án PH thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự; Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 20 phút ngày 07/7/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND thị xã Gò Công;
- Chi cục THADS thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PH THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt